

Số: /TCBC-STP

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2025

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**  
**Các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 7 năm 2025**

Thực hiện quy định tại điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành trong tháng 7 năm 2025, cụ thể như sau:

**I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH BAN HÀNH**

**1. Nghị quyết của HĐND tỉnh**

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 quy định nội dung, mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh và cấp xã sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**2. Quyết định của UBND tỉnh**

- Quyết định số 001/2025/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 002/2025/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 ban hành quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 004/2025/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 005/2025/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk.

## II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### 1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

**1.1. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 quy định nội dung, mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 26/7/2025. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, bao gồm: cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động; cổ động trực quan; triển lãm; ngày hội văn hóa; giải thưởng văn học nghệ thuật; trại sáng tác; các chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật.

Cụ thể:

- Mức chi hỗ trợ cho nhân sự tham gia tổ chức và phục vụ: tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết.

- Mức chi các giải thưởng: tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết.

- Các nội dung công tác chuẩn bị, công tác tuyên truyền: tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết.

Ngoài ra, Nghị quyết này còn quy định về nguồn kinh phí thực hiện:

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ do cấp nào tổ chức thì ngân sách cấp đó đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

- Nguồn vận động, tài trợ và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**1.2. Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh và cấp xã sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 01/7/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định về nội dung, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh và tại các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Áp dụng cho đối tượng:

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh Đắk Lắk (theo Đề án sắp xếp các tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên).

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh và tại cấp xã sau sắp xếp.

- Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có liên quan đến việc bố trí, tiếp nhận và chi trả chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại các cơ quan Trung ương có trụ sở làm việc trên địa bàn sau sắp xếp đơn vị hành chính về công tác tại tỉnh Đắk Lắk không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này.

Theo đó, nội dung, mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh Đắk Lắk (theo Đề án sắp xếp các tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên) như sau:

- Hỗ trợ chi phí đi lại: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở: 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Hỗ trợ một lần: 2.000.000 đồng/người.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh (không bao gồm đối tượng trên) và tại cấp xã sau sắp xếp, nội dung, mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ chi phí đi lại:
  - + Hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có khoảng cách từ nơi thường trú đến cơ quan công tác từ 30 km đến dưới 50 km.
  - + Hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có khoảng cách từ nơi thường trú đến cơ quan công tác từ 50 km đến dưới 100 km.
  - + Hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có khoảng cách từ nơi thường trú đến cơ quan công tác từ 100 km đến dưới 150 km.
  - + Hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có khoảng cách từ nơi thường trú đến cơ quan công tác từ 150 km trở lên.
- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở: Hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có khoảng cách từ nơi thường trú đến cơ quan công tác trên 30 km.
- Hỗ trợ một lần: 1.000.000 đồng/người.

Về thời gian, phương thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí đi lại và tiền thuê nhà ở: 12 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định về công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh và tại cấp xã của tỉnh Đắk Lắk; trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thời gian công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh và tại cấp xã của tỉnh Đắk Lắk không đủ 12 tháng thì thời gian hỗ trợ là số tháng thực tế công tác.

- Hỗ trợ một lần: Sau khi về công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh và tại cấp xã sau sắp xếp.

- Cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ cùng kỳ chi trả lương hàng tháng.

### ***1.3. Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk***

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 26/7/2025, bãi bỏ Điều 5 và Điều 6 chương II quy định về tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 và khoản 2, khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Nghị quyết số 63/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Mức chi cụ thể đối với hoạt động khuyến công địa phương như sau:

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo về khuyến công và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn áp dụng theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

- Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng (bao gồm hỗ trợ tiền ăn,

tiền đi lại trong thời gian học nghề cho học viên là thợ giỏi và nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giáo viên dạy nghề), được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

- Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

- Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, tập huấn, hội nghị, hội thảo và diễn đàn trong và ngoài nước:

- + Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, tập huấn, hội nghị, hội thảo và diễn đàn trong nước áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

- + Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội thảo và diễn đàn tại nước ngoài áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

- Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn tại Việt Nam áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

- Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công áp dụng theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

- Chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Chi ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

- Chi thuê chuyên gia áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

- Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại. Mức chi do cấp thẩm quyền quyết định, phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể.

- Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 800 triệu đồng/mô hình.

- Chi hỗ trợ đối với mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 90 triệu đồng/mô hình.

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình.

- Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 270 triệu đồng/cơ sở.

- Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

- Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực gian hàng; chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi tổ chức bình chọn và cấp, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh:

+ Chi tổ chức bình chọn và cấp, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/lần.

+ Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh không quá 04 triệu đồng/sản phẩm.

- Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn (thương) hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn (thương) hiệu.

- Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

- Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo quy định hiện hành.

- Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 50 triệu đồng/hội, hiệp hội.

- Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm cơ sở công nghiệp nông thôn:

+ Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại tỉnh Đắk Lắk: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/phòng trưng bày.

+ Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 60 triệu đồng/phòng trưng bày.

+ Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/phòng trưng bày.

+ Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/phòng trưng bày.

- Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

+ Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thẩm định: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, chi công tác phí, xăng xe, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi giám sát đề án 500 nghìn đồng/01 đề án; chi thẩm định đề án 50 nghìn đồng/người/01 đề án; nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với các tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

- Các nội dung, mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

## **2. Quyết định của UBND tỉnh**

### ***2.1. Quyết định số 001/2025/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk***

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 18/7/2025, thay thế Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, các hệ số K thành phần gồm:

- Hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Hệ số K1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng, rừng tre nứa, rừng không phân chia trữ lượng và rừng trồng. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Hệ số K2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp. Hệ số K2 có



giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất và rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp;

- Hệ số K3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K3 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng;

- Hệ số K4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K4 có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I và các xã chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định.

**2.2. Quyết định số 002/2025/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 ban hành Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 18/7/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công đối với hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công thuộc các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, nhiệm vụ quản lý đất đai hoặc nhiệm vụ có hạng mục quản lý đất đai bao gồm:

- Đo đạc lập bản đồ địa chính.
- Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính.
- Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.
- Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất.
- Điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai.
- Điều tra, đánh giá thoái hóa đất.
- Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.
- Các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, nhiệm vụ chuyên môn khác về quản lý và sử dụng đất đai.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương, các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Quy định này quy định cụ thể về nguyên tắc, mục đích, cơ sở pháp lý, trách nhiệm, kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công.

Ngoài ra, quy định này còn quy định cụ thể về giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công (Chương II); đánh giá, kiểm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công (Chương III).

Quy định chuyển tiếp:

- Đối với các công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện nhưng chưa đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiến hành đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu và lập các hồ sơ theo quy định tại Quyết định này.

- Đối với các trường hợp khác, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo và đề xuất phương án cụ thể, trình UBND tỉnh quyết định.

### **2.3. Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk**

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 10/7/2025, bãi bỏ các Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Phú Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng gồm: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn (bao gồm: Cấp nước sạch (trừ nước sạch nông thôn); thoát nước và xử lý nước thải (trừ xử lý nước thải tại chỗ; thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối); công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý không gian xây dựng ngầm; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu dân cư nông thôn); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ).

Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn của Bộ Xây dựng.

Quyết định này cũng quy định 27 nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng.

**2.4. Quyết định số 004/2025/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk**

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 31/7/2025, bãi bỏ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Phú Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; đầu tư phát triển, đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài; tài chính; ngân sách nhà nước; vay và trả nợ của chính quyền địa phương (trong nước và nước ngoài); viện trợ của nước ngoài cho Việt Nam và viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài; phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh; tài sản công; tài chính đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; kế toán, kiểm toán độc lập; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật; đấu thầu; doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh.

Sở Tài chính có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh theo thẩm quyền; đồng thời chấp hành chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

Quyết định này cũng quy định 20 nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính.

**2.5. Quyết định số 005/2025/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk**

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 31/7/2025, bãi bỏ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk. Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Sở Dân tộc và Tôn giáo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế vị trí việc làm

của công chức thuộc UBND tỉnh; đồng thời, chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Quyết định này cũng quy định 22 nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Trên đây là Thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong tháng 7 năm 2025./.

***Nơi nhận:***

- Cục PBGDPL và TGPL - BTP;
- UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh,  
Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NV3.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Thanh Thủy**